

Số: *1780* /PA-HĐBT

*Bỉm Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2018*

## PHƯƠNG ÁN

**Điều chỉnh bổ sung Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào nhà máy Xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

### **1. Các căn cứ lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và khu Công nghiệp phía Đông thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 16/3/2017; số 1147/QĐ-UBND ngày 4/4/2017; số 2521/QĐ-UBND ngày 13/7/2017; số 4415/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án: đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và khu Công nghiệp phía Đông thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

## 2. Lý do điều chỉnh:

Điều chỉnh mức trích cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đối với các phương án đã phê duyệt, theo quy định tại mục đ khoản 2 điều 3 của Quyết định số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## 3. Kinh phí bồi thường điều chỉnh:

### 3.1. Kinh phí BT theo Quyết định đã phê duyệt: 1.232.603.685 đồng.

Trong đó:

- Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.208.434.986 đồng
- Chi phí tổ chức thực hiện BTHT&TĐC 2%: 24.168.702 đồng

### 3.2. Kinh phí bồi thường đề nghị bổ sung: 36.253.050 đồng

(Ba mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, không trăm năm mươi đồng)

Trong đó:

- Kinh phí chi trả trực tiếp: 0.00 đồng
- Chi phí tổ chức thực hiện BTHT&TĐC 3% bổ sung: 36.253.050 đồng

### 3.3. Kinh phí bồi thường sau điều chỉnh: 1.268.856.734 đồng

Trong đó:

- Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.208.434.989 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện BT, HT và TĐC (5%): 60.421.754 đồng.


(Có Bảng tổng hợp kèm theo)

## 4. Nguồn kinh phí: Từ Ngân sách Nhà nước.

### Nơi nhận:

- UBND thị xã Bim Sơn;
- Lưu: VT, HĐBT.

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Tổng Văn Thọ

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

Dự án: Đường giao thông từ Quốc lộ 1A vào nhà máy Xi măng Long Sơn và KCN phía Đông, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.  
( Kèm theo phương án số: 1780/PA-TĐBT ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Dự án )

Đơn vị: đồng

STT	Số Quyết định đã phê duyệt	Giá trị theo Quyết định đã phê duyệt			Giá trị sau điều chỉnh			Chênh lệch Tăng (+) giảm (-)			Ghi chú
		Kinh phí chi trả trực tiếp	Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC 2%	Cộng	Kinh phí chi trả trực tiếp	Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC 5%	Cộng	Kinh phí chi trả trực tiếp	Chi phí tổ chức thực hiện công tác BTHT&TĐC	Cộng	
1	Theo Quyết định số 916/QĐ-UBND Ngày 16/3/2017	154,817,580	3,096,352	157,913,932	154,817,580	7,740,879	162,558,459	-	4,644,527	4,644,527	
2	Theo Quyết định số 1147/QĐ-UBND Ngày 4/4/2017	566,555,842	11,331,117	577,886,959	566,555,842	28,327,792	594,883,634	-	16,996,675	16,996,675	
3	Theo Quyết định số 2521/QĐ-UBND Ngày 13/7/2017	137,228,600	2,744,572	139,973,172	137,228,600	6,861,430	144,090,030	-	4,116,858	4,116,858	
4	Theo Quyết định số 4415/QĐ-UBND Ngày 08/12/2017	349,832,963	6,996,659	356,829,622	349,832,963	17,491,648	367,324,611	-	10,494,989	10,494,989	
<b>Tổng:</b>		<b>1,208,434,986</b>	<b>24,168,702</b>	<b>1,232,603,685</b>	<b>1,208,434,989</b>	<b>60,421,754</b>	<b>1,268,856,734</b>	<b>0</b>	<b>36,253,050</b>	<b>36,253,050</b>	